

Bản án số: 267/2019/DS-PT

Ngày: 10/12/2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình.

Các thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;
Ông Điều Văn Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 109/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10896/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Đức K, sinh năm 1967 và bà Khúc Thị Đ, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: Khối phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh L; ông K có mặt, bà Đ vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* bà Khúc Thị Đ là ông Ngô Đức K (theo giấy ủy quyền ngày 17/3/2017); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Bảo T, sinh năm 1932; vắng mặt và anh Vũ Đức G, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Khối phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh L; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Vũ Bảo T là anh Vũ Đức G (theo giấy ủy quyền ngày 21/3/2017); có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh L: Người đại diện theo ủy quyền ông Triệu Đức M, chức vụ Trưởng Phòng Tài nguyên đất thuộc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (theo Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2017); vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện B: Người đại diện ủy quyền là ông Hoàng Văn C, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Anh Ngô V, sinh năm 1990 và chị Ngô Hải Y, sinh năm 1996; cùng địa chỉ: Khối 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh L; anh V và chị Y vắng mặt. Anh V và chị Y đã ủy quyền cho ông Ngô Đức K tham gia tố tụng (theo Văn bản ủy quyền ngày 17/3/2017).

3.4. Ông Phạm Minh C, 66 tuổi; địa chỉ: Số nhà 23, đường P, khối Đ, phường Chi L, thành phố L; vắng mặt.

3.5. Ông Vũ Phương H, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn N, xã Hoàng Văn T, huyện B, tỉnh L; vắng mặt.

3.6. Anh Vũ Đức A, sinh năm 1987; địa chỉ: Khối phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh L; vắng mặt.

3.7. Ông Vũ Xuân D, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã Hoàng Văn T, huyện B, tỉnh L; vắng mặt.

3.8. Ông Vũ X, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn P, xã Tô H, huyện B, tỉnh L; vắng mặt.

3.9. Ông Vũ Q, sinh năm 1971; địa chỉ: Khối phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh L; có mặt.

3.10. Anh Vũ Văn S, sinh năm 1975; địa chỉ: Khối phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh L; có mặt.

3.11. Chị Vũ Thị Bích T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh L; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Phương H, anh Vũ Đức A, ông Vũ Xuân D, ông Vũ X, ông Vũ Q, anh Vũ Văn S, chị Vũ Thị Bích T là anh Vũ Đức G (theo Giấy ủy quyền ngày 21/3/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Đức K trình bày: Ngày 12/12/1997, gia đình ông có nhận chuyển nhượng của gia đình ông Phạm Minh C và vợ là bà Khúc Thị O cùng trú tại khu 3, thị trấn B, huyện B một ngôi nhà gắn liền với đất ở và đất vườn diện tích 320m² thuộc thửa đất số 29 tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính thị trấn B, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất vào sổ cấp số 00217/QSDD ngày 01/4/1992 đứng tên ông Phạm Minh C. Trên đất có một nhà ngói 3 gian bằng gỗ, một nhà bếp 2 gian bằng gỗ, lợp ngói sông cầu. Ngoài diện tích đất ở còn có đất vườn là 220m² trồng khoảng 50 cây chuối giáp vườn chuối của ông Vũ Bảo T và vườn của ông Lương Văn K, hiện trú tại khu 3, thị trấn B.

Quá trình quản lý sử dụng vào khoảng tháng 6/2004, anh Vũ Đức G con trai của ông Vũ Bảo T đã dùng dao chặt hết vườn chuối của gia đình ông, trên phần diện tích đất khoảng 26m², cả cây to và nhỏ khoảng 50 cây đồng thời đổ đất lấp bờ rào cúc tần để lấn chiếm làm phát sinh tranh chấp. Năm 2004, chính quyền có tiến hành đo lại diện tích đất để cấp GCNQSD đất nhưng do ông T

xuống nói phần diện tích đất đang tranh chấp, thuộc một phần diện tích đất của gia đình ông T nên đo đạc chỉ đo chứ không làm thủ tục cấp GCNQSD đất nữa và cũng từ đó tới nay gia đình ông vẫn chưa được cấp đổi lại GCNQSD đất. Đến tháng 10/2016, gia đình ông T tiếp tục chặt chuối của nhà ông và đổ đất lên phần diện tích đất đang tranh chấp, nên ông đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc gia đình ông Vũ Bảo T chấm dứt việc tranh chấp và công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp diện tích đất nêu trên đất cho gia đình ông.

Bị đơn ông Vũ Bảo T trình bày: Gia đình ông có một mảnh vườn làm nhà thuộc thửa 27 và 28 tờ bản đồ số 2 thị trấn B, bản đồ giao đất năm 1992. Năm 1954, ông có làm đơn xin đất làm lại nhà ở và được Ủy ban kháng chiến hành chính huyện B cho phép làm nhà tại thửa đất số 24, diện tích 942m²; quá trình sử dụng, sau khi xin được cấp đất làm nhà trên thửa số 24. Thửa đất số 27, 28 gia đình ông vẫn quản lý, làm vườn trồng chuối, phục vụ chăn nuôi; thửa đất tiếp giáp với nhà ở và nhà bếp của ông Nguyễn M sau này chuyển nhượng lại cho ông Phạm Minh C, thửa đất nhà ông Thông chỉ có đất nhà ở và nhà bếp không có đất vườn; sau này, ông Phạm Minh C lại chuyển nhượng cho vợ chồng ông Ngô Đức K. Năm 2016, thì phát sinh tranh chấp, ông K xuất trình GCNQSD đất của hộ ông C, thì ông mới phát hiện góc phía Bắc của thửa đất đã cấp trùng lên một phần thửa đất của gia đình ông, diện tích khoảng 30m² ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quản lý sử dụng phần diện tích đất tranh chấp và yêu cầu hủy một phần GCNQSD đất đã cấp trùng lên thửa đất của gia đình ông.

Theo lời khai của anh Vũ Đức G trình bày: Gia đình anh có hai thửa đất số 27, 28 giáp ranh với thửa đất số 29 của gia đình ông K. Trong đó có một phần diện tích đất tranh chấp giáp ranh với thửa 29 của nhà ông K, diện tích đất tranh chấp cụ thể anh không rõ. Toàn bộ diện tích đất tranh chấp trước kia là đất của nhà anh cho xí nghiệp thương nghiệp nhờ để đặt téc chứa dầu, năm 1995 chuyển téc dầu đi nơi khác gia đình anh đã lấy lại và đổ đất, gạch đá lấp hố đó, sau này chuối ở vườn nhà anh mọc lan sang thành vườn chuối. Nguồn gốc đất là từ năm 1940 ông bà anh đã đến đây ở và khai phá và quản lý; năm 1954, bố anh là ông Vũ Bảo T xin Ủy ban kháng chiến huyện B được cấp đất thửa số 24 diện tích 942m² tờ bản đồ số 2 của bản đồ địa chính thị trấn B đo năm 1992 để làm nhà ở còn thửa 27, 28 gia đình vẫn quản lý để trồng chuối chăn nuôi. Ông K kiện gia đình anh yêu cầu chấm dứt việc tranh chấp và trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho gia đình ông K, anh không đồng ý, anh yêu cầu tiếp tục được sử dụng và anh đề nghị hủy một phần diện tích đất đã cấp trùng lên diện tích đất của gia đình anh.

Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh L trình bày: Về quy trình cấp GCNQSD đất cho ông Phạm Minh C được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất về việc ban hành

quy định cấp GCNQSD đất. Sau khi xem xét, đối chiếu hồ sơ đối với các quy định nêu trên UBND tỉnh L khẳng định việc cấp GCNQSD đất cho ông Phạm Minh C là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền, diện tích đất được cấp 320m² phù hợp với tờ bản đồ số 02 bản đồ giải thửa đo đạc năm 1992, sổ mục kê năm 1992, sổ đăng ký ruộng đất năm 1992. Việc ông T khai diện tích đất ông C được cấp đã cấp trùng lên một phần diện tích đất của của ông T là không có căn cứ. Vì thửa đất số 27, 28 bản đồ số 02 bản đồ giải thửa đo đạc năm 1992 chưa được cấp cho hộ cá nhân gia đình nào quản lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh L, đã quyết định:

Áp dụng Điều 186, Điều 189, Điều 194, Điều 223, Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 103 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 37, Điều 38, Điều 48, Điều 97, Điều 147, Điều 157, Điều 158; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đức K và bà Khúc Thị Đ. Ông Ngô Đức K và bà Khúc Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 48,7m² thuộc một phần diện tích đất thửa số 29, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp số 00217/QSDĐ ngày 01/4/1992 đứng tên ông Phạm Minh C tại khu phố 2 Thị trấn B, huyện B, tỉnh L. Ông Ngô Đức K và bà Khúc Thị Đ có trách nhiệm kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Buộc ông Vũ Bảo T, anh Vũ Đức G và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía gia đình các bị đơn là ông Vũ Phương H, anh Vũ Đức A, ông Vũ Xuân D, ông Vũ X, ông Vũ Q, anh Vũ Văn S, chị Vũ Thị Bích T phải chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 48,7m² của gia đình ông Ngô Đức K. Phần diện tích đất có các cạnh tiếp giáp Phía Đông Bắc giáp đường Hoàng Văn Thụ có độ dài AE = 8,59m; phía Nam giáp tường rào nhà anh Khuyến có độ dài các đoạn từ điểm CD = 2m; Từ BC = 1,1m; từ BA = 8,7m; phía Bắc giáp vườn chuối nhà ông T có độ từ ED = 10m (có sơ họa kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Bảo T, anh Vũ Đức G và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Phương H, anh Vũ Đức A, ông Vũ Xuân D, ông Vũ X, ông Vũ Q, anh Vũ Văn S, chị Vũ Thị Bích T về yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất vào sổ cấp số 00217/QSDĐ ngày 01/4/1992 đứng tên ông Phạm Minh C đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp 48,7m² vì không có căn cứ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29/9/2017, anh Vũ Đức G có đơn kháng cáo và ngày 05/10/2017,

anh Giang có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Vũ Đức G vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức Khuyến đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là của vợ chồng ông Phạm Minh C được cấp GCNQSD đất năm 1992; đến năm 1997, chuyển nhượng cho vợ chồng ông Ngô Đức K. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ thể hiện phần diện tích đất đang tranh chấp nằm trong GCNQSD đất mang tên ông Phạm Minh C. UBND tỉnh L, UBND huyện B khẳng định phần diện tích đất đang tranh chấp 48,7m² nằm trong GCNQSD đất của ông Phạm Minh C, không cấp trùng lên diện tích đất của gia đình ông T. Ông Phạm Minh C cũng khẳng định phần diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình ông đã được cấp GCNQSD đất, quá trình ông sử dụng không có tranh chấp. Tại kết luận giám định tư pháp kết luận phần diện tích đất đang tranh chấp 48,7m² nằm trong GCNQSD đất đứng tên ông Phạm Minh C. Ông T, anh Giang cho rằng diện tích đất tranh chấp của ông cha để lại từ trước năm 1954, nhưng trong thời gian dài từ năm 1979 đến năm 1997 gia đình ông C quản lý sử dụng ổn định nhưng gia đình ông T không có ý kiến gì; từ năm 1997 gia đình ông K quản lý sử dụng nhưng đến năm 2014 mới phát sinh tranh chấp. Ông T, anh Giang không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình ông T. Vậy, phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông K như nhận định và quyết định của Tòa án sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với đơn kháng cáo bổ sung ngày 05/10/2017 của anh Giang cho rằng: nội dung Giấy chuyển quyền thừa kế nhà ở do ông Phạm Minh C cùng vợ là Khúc Thị O chuyển cho vợ chồng ông Ngô Đức K cùng bà Khúc Thị Đ chưa được Tòa án xác minh làm rõ bản chất là di chúc chung của vợ chồng hay là văn bản chuyển nhượng nhà đất là không có căn cứ và nằm ngoài phạm vi khởi kiện của vụ án. Trong trường hợp Tòa án xem xét đến nội dung này thì “*Giấy chuyển quyền thừa kế nhà ở*” không làm thay đổi bản chất của vụ án, đó là phần diện tích đất đang tranh chấp không thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình anh Giang. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Đức G; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 20/9/2017, của Tòa án nhân dân tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 12/12/1997, gia đình ông Ngô Đức K có nhận chuyển nhượng của gia đình ông Phạm Minh C và vợ là bà Khúc Thị O một ngôi nhà gắn liền với đất ở và đất vườn diện tích 320m² tại khối 2, thị trấn B, huyện B; đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp số 00217/QSĐĐ ngày 01/4/1992 đứng tên ông Phạm Minh C thuộc thửa đất số 29 tờ bản đồ số 2 diện tích 320m² trong đó có 100m² đất ở và 220m² đất vườn. Tháng 6/2004, xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông Vũ Bảo T với gia đình ông K; ông T cho rằng Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp số 00217/QSĐĐ ngày 01/4/1992 cho ông Phạm Minh C thuộc thửa đất số 29 có phần cấp chồng lấn vào đất của gia đình ông T.

[2] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A910015 ngày 01/4/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp cho ông Vũ Bảo T thửa đất số 24 tờ bản đồ số 02 diện tích 942m² trong đó có 100m² đất ở và 842m² đất vườn. Năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện B tiến hành cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00055 ngày 07/9/2007 thì hộ ông T thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 7 diện tích 1.216,1m² đất ở. Theo bản đồ giải thửa đo đạc năm 1992, sổ mục kê năm 1992, sổ đăng ký ruộng đất năm 1992 thì đất của gia đình ông T được cấp thửa số 24, còn đất của gia đình ông C thuộc thửa số 29. Việc ông Vũ Bảo T cho rằng Ủy ban nhân dân tỉnh L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C trùng lên một phần diện tích đất của ông Vũ Bảo T thuộc thửa đất số 27, 28 là không có căn cứ. Vì thửa đất số 27, 28 bản đồ số 02 bản đồ giải thửa đo đạc năm 1992 chưa được cấp cho hộ cá nhân gia đình nào quản lý. Quá trình giải quyết phía bị đơn chỉ đưa ra lý do là đất ông cha để lại, không cung cấp được các tài liệu chứng cứ của cơ quan có thẩm quyền chứng minh gia đình ông T sử dụng hợp pháp đối với thửa số 27, 28. Thời điểm kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992 gia đình ông T không đăng ký kê khai đối với 2 thửa đất nêu trên, chỉ kê khai đối với thửa số 24 gần đó.

[3] Theo biên bản xem xét thẩm định, định giá tài sản ngày 07/7/2017 phần diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất của gia đình ông Ngô Đức K đang quản lý lý sử dụng, diện tích đất tranh chấp 48,7m²; thửa đất có các cạnh tiếp giáp: Phía Đông Bắc giáp đường Hoàng Văn Thụ có độ dài A E = 8,59m; phía Nam giáp tường rào nhà ông K có độ dài các đoạn từ điểm CD = 2m; Từ BC = 1,1m; từ BA = 8,7m; phía Bắc giáp vườn chuối nhà ông T có độ từ ED = 10m (có sơ họa kèm theo). Về giá trị sử dụng đất theo Biên bản định giá tài sản ngày 07/7/2017 phần diện tích đất đang tranh chấp 48,7m² có giá trị là 2.629.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng). Tại Kết luận giám định cá nhân của Sở tài nguyên và Môi trường kết luận phần diện tích đất đang tranh chấp 48,7m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Minh C. Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh L khẳng định việc cấp đất cho

ông C là đúng đối tượng, đúng quy trình và khẳng định phần diện tích đất đang tranh chấp 48,7m² nằm trong giấy chứng nhận của ông Phạm Minh C, không cấp trùng lên diện tích đất của gia đình ông Vũ Bảo T, không có căn cứ để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, theo lời khai của ông Phạm Minh C ông khẳng định phần diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đức K là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Minh C Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa phía gia đình ông Vũ Bảo T và anh Vũ Đức G không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ như sổ lâm bạ, sổ mục kê hoặc các loại giấy tờ có giá trị về đất để chứng minh đất đang tranh chấp là của gia đình ông T quản lý sử dụng hợp pháp. Do vậy không có căn cứ để hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Minh C. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Đức G.

[5] Đối với kháng cáo của anh Giang cho rằng: Nội dung “*Giấy chuyển quyền thừa kế nhà ở*” do ông Phạm Minh C cùng vợ là Khúc Thị O chuyển cho vợ chồng ông K, chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh làm rõ bản chất là di chúc chung của vợ chồng hay là văn bản chuyển nhượng nhà đất. Nội dung kháng cáo nêu trên nằm ngoài phạm vi khởi kiện của vụ án; trong trường hợp Tòa án xem xét đến nội dung này thì “*Giấy chuyển quyền thừa kế nhà ở*” không làm thay đổi bản chất của vụ án, đó là phần diện tích đất đang tranh chấp không thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình anh Giang. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của anh G.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tại chỗ: Do các đương sự không thỏa thuận được, việc yêu cầu xem xét thẩm định của nguyên đơn có căn cứ nên bị đơn ông Vũ Bảo T và anh Vũ Đức G phải chịu toàn bộ tiền chi phí định giá: 3.212.120đ (ba triệu hai trăm mười hai nghìn một trăm hai mươi đồng). Xác nhận ông Ngô Đức K đã nộp tạm ứng chi phí định giá trước, nên buộc bị đơn ông Vũ Bảo T và anh Vũ Đức G hoàn trả cho ông Ngô Đức K số tiền 3.212.120đ (ba triệu hai trăm mười hai nghìn một trăm hai mươi đồng).

[7] Về án phí: Anh Vũ Đức G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm. Do ông Vũ Bảo T là người cao tuổi đã có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Vũ Đức G; giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Áp dụng Điều 186, Điều 189, Điều 194, Điều 223, Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 103 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 37, Điều 38, Điều 48, Điều 97, Điều 147, Điều 157, Điều 158; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đức K và bà Khúc Thị Đ. Ông Ngô Đức K và bà Khúc Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 48,7m² thuộc một phần diện tích đất thửa số 29, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp số 00217/QSDĐ ngày 01/4/1992 đứng tên ông Phạm Minh C tại khu phố 2 Thị trấn B, huyện B, tỉnh L. Ông Ngô Đức K và bà Khúc Thị Đ có trách nhiệm kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Buộc ông Vũ Bảo T, anh Vũ Đức G và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía gia đình các bị đơn là ông Vũ Phương H, anh Vũ Đức A, ông Vũ Xuân D, ông Vũ X, ông Vũ Q, anh Vũ Văn S, chị Vũ Thị Bích T phải chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 48,7m² của gia đình ông Ngô Đức K. Phần diện tích đất có các cạnh tiếp giáp Phía Đông Bắc giáp đường Hoàng Văn Thụ có độ dài AE = 8,59m; phía Nam giáp tường rào nhà anh Khuyến có độ dài các đoạn từ điểm CD = 2m; Từ BC = 1,1m; từ BA = 8,7m; phía Bắc giáp vườn chuối nhà ông T có độ từ ED = 10m (có sơ họa kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Bảo T, anh Vũ Đức G và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Phương H, anh Vũ Đức A, ông Vũ Xuân D, ông Vũ X, ông Vũ Q, anh Vũ Văn S, chị Vũ Thị Bích T về yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất vào sổ cấp số 00217/QSDĐ ngày 01/4/1992 đứng tên ông Phạm Minh C đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp 48,7m² vì không có căn cứ.

3. Về chi phí thẩm định định giá: Ông Vũ Bảo T và anh Vũ Đức G phải chịu toàn bộ tiền chi phí định giá: 3.212.120đ (ba triệu hai trăm mười hai nghìn một trăm hai mươi đồng). Xác nhận ông Ngô Đức K đã nộp tạm ứng chi phí định giá trước. Buộc bị đơn ông Vũ Bảo T và anh Vũ Đức G hoàn trả cho ông Ngô Đức K số tiền: 3.212.120đ (ba triệu hai trăm mười hai nghìn một trăm hai mươi đồng).

4. Về án phí: Anh Vũ Đức G phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được đối trừ số tiền 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/04182 ngày 05/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh L.

Ông Vũ Bảo T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình